TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 21/2025/QĐCNTTLH	*Tuyên Quang, ngày 22 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ vào các Điều 32, Điều 33, Điều 34 và Điều 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh Trần Duy T và chị Trịnh Thị T1, về quan hệ hôn nhân, về việc nuôi con chung, về tài sản chung, công nợ chung.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 7 năm 2025; về việc yêu cầu ly hôn của anh Trần Duy T.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 07 tháng 7 năm 2025 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Anh Trần Duy T, sinh năm 1989; dân tộc: Kinh;

Người bị kiện: Chị Trịnh Thị T1, sinh năm 1995; dân tộc: Kinh;

Cùng địa chỉ nơi cư trú: Thôn C, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 07 tháng 7 năm 2025 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 07 tháng 7 năm 2025, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Duy T và chị Trịnh Thị T1 tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về việc nuôi con: Anh Trần Duy T và chị Trịnh Thị T1 thống nhất tự nguyện thỏa thuận giao ba cháu là Trần Thị Thảo N, sinh ngày 06/3/2014, cháu Trần Thị Thảo V, sinh ngày 17/7/2015 và cháu Trần Duy Phước T2, sinh ngày 18/6/2018 cho chị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi các cháu. Mức cấp dưỡng đối với cháu Trần Thị Thảo N là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) trên một tháng; mức cấp dưỡng đối với cháu Trần Thị Thảo V là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) trên một tháng và mức cấp dưỡng đối với cháu Trần Duy Phước T2 là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) trên một tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 08 năm 2025 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng nuôi các cháu theo định kỳ mỗi tháng một lần. Người nhận tiền cấp dưỡng nuôi các cháu là chị Trịnh Thị T1.

Số tiền nói trên kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, sau này anh T, chị T1 có quyền thay đổi về cấp dưỡng nuôi con và người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản chung, công nợ chung: Anh Trần Duy T và chị Trịnh Thị T1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 5 - Tuyên Quang;
- Các bên tham gia hòa giải;
- Phòng THADS khu vực 5 - Tuyên Quang;
- UBND xã Vĩnh Tuy (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nhung